TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 87/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 59/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 13/9/1999; căn cước công dân số 046099000674; địa chỉ: Số B đường N, phường P, thành phố H;

- Chị Võ Bùi Hồng P, sinh ngày 28/5/2001; căn cước công dân số 046301000872; địa chỉ: Kiệt A đường T, TDP T, phường M, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Võ Bùi Hồng P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường M, thành phố H) vào ngày 18/3/2024. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến giữa năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Anh Nguyễn Trọng Q, chị Võ Bùi Hồng P xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Trọng Q và chị Võ Bùi Hồng P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Võ Bùi Hồng P xác nhận có 01

con chung tên là Nguyễn Tuệ Đ, sinh ngày 09/6/2024. Hiện cháu Nguyễn Tuệ Đ đang ở với chị Võ Bùi Hồng P. Anh, chị thỏa thuận giao cháu Nguyễn Tuệ Đ cho chị Võ Bùi Hồng P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Trọng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Tuệ Đ trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Võ Bùi Hồng P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Trọng Q, chị Võ Bùi Hồng P mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng Q và chị Võ Bùi Hồng P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuệ Đ, sinh ngày 09/6/2024 cho chị Võ Bùi Hồng P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Trọng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Tuệ Đ đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Võ Bùi Hồng P xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Trọng Q và chị Võ Bùi Hồng P mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000266 ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Nguyễn Trọng Q và chị Võ Bùi Hồng P đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Mỹ Thượng, thành phố Huế;
(Anh Quý. chị Phúc ĐKKH số 14 ngày 18/3/2024 tại UBND phường Phú Thượng - cũ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh